

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 15-6-2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Đỗ Thị Thúy Diễm.**

+ Ông **Nguyễn Phước Bình.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị V** - Sinh năm: 1973, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; địa chỉ liên lạc: Tòa nhà G, phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H** - Sinh năm: 1971; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2022, bản tự khai ngày 14 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D (nay là huyện C), tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn,

việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Bà và ông H chung sống đến cuối năm 2021 thì sống ly thân cho đến nay mà nguyên nhân chủ yếu là do ông H không lo làm ăn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi và ông H có đánh bà. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể đoàn tụ được nên bà V yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có ba người con chung là: Nguyễn Thị Mỹ T - Sinh ngày 20 tháng 5 năm 1993, Nguyễn Văn H - Sinh ngày 12 tháng 9 năm 1995 và Nguyễn Chí L - Sinh ngày 29 tháng 5 năm 2008. Nguyễn Thị Mỹ T và Nguyễn Văn H đã thành niên, có khả năng lao động nên bà không có yêu cầu gì liên quan đến hai người con này. Riêng người con út là Nguyễn Chí L chưa thành niên, hiện đang sống chung với bà nên khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi Nguyễn Chí L, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà V trình bày là không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn H vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

(2) *Về con chung:* Giao cho bà Nguyễn Thị V được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung chưa thành niên giữa bà với ông H là: Nguyễn Chí L - Sinh ngày 29 tháng 5 năm 2008 (hiện đang sống chung với bà V), ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà V không yêu cầu. Riêng hai người con lớn là Nguyễn Thị Mỹ T - Sinh ngày 20 tháng 5 năm 1993 và Nguyễn Văn H - Sinh ngày 12 tháng 9 năm 1995 đã thành niên, không ai có yêu cầu gì liên quan đến hai người con này nên không xem xét, giải quyết.

(3) Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

(4) Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông H có địa chỉ tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông H vắng mặt tại các phiên hòa giải ngày 14 tháng 3 năm 2022, ngày 31 tháng 3 năm 2022 đồng thời bà V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bà V, ông H là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Bà V và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 1996, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của bà V, biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được giữa bà V và ông H có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, giữa ông bà không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống. Đồng thời ông H cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia các phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ; trong khi đó bà V lại kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà V với ông H đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà V về việc ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung:

[4.1] Bà V yêu cầu nuôi người con chung chưa thành niên giữa bà với ông H là Nguyễn Chí L - Sinh ngày 29 tháng 5 năm 2008, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu về việc nuôi con, trong khi đó Nguyễn Chí L đang sống chung với bà V và có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bà V khi cha mẹ (bà V, ông H) ly hôn nên giao cho bà V tiếp tục nuôi Nguyễn Chí L là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia

đình năm 2014. Bà V không yêu cầu H cấp dưỡng nuôi con nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4.2] Riêng hai người con lớn là: Nguyễn Thị Mỹ T - Sinh ngày 20 tháng 5 năm 1993 và Nguyễn Văn H - Sinh ngày 12 tháng 9 năm 1995 đã thành niên, có khả năng lao động, không ai có yêu cầu gì liên quan đến hai người con này nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày là không có nợ; ông H vắng mặt và không có văn bản yêu cầu gì về tài sản chung, nợ chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà V là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà V phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, cụ thể:

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2/ *Về con chung:*

Bà Nguyễn Thị V được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa bà với ông Nguyễn Văn H là: Nguyễn Chí L - Sinh ngày 29 tháng 5 năm 2008 (hiện đang sống chung với bà V) cho đến khi người con đủ mười tám tuổi. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà V không yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà V có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Vì lợi ích của con chung, bà V, ông H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Riêng hai người con lớn của bà V và ông H là: Nguyễn Thị Mỹ T - Sinh ngày 20 tháng 5 năm 1993 và Nguyễn Văn H - Sinh ngày 12 tháng 9 năm 1995 đã thành niên, có khả năng lao động, không ai có yêu cầu gì liên quan đến hai người con này nên không xem xét, giải quyết.

3/ *Về tài sản chung, về nợ chung*: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004975 ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ *Về quyền kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên

